

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 08/09/2022

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lệ Dung.

Ông Trần Văn Nghi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị G – sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Ngô Quốc B – sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị G trình bày: Chị và anh Ngô Quốc B sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 07 năm 2009 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 11, xã Y, huyện K. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh B thường xuyên rượu chè, không tu trí làm ăn, mặt khác việc anh B chơi bời nợ nần nhiều xong yêu cầu chị trả nợ dẫn đến việc vợ chồng đánh cãi chửi nhau thường xuyên, thậm trí có lần đánh đập gây thương tích cho chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng

anh B không thay đổi. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn nhiều năm không thể giải quyết được nên từ đầu năm 2022 chị đã dọn ra ở riêng đồng thời vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngô Quốc B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung cháu Ngô Thế V sinh ngày 20 tháng 01 năm 2010, cháu Ngô Thế H sinh ngày 02 tháng 1 năm 2019. Hiện các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu V và H cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh B không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Ngô Quốc B hiện đang cư trú tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Ngô Quốc B và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh B, anh B nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ký nhận văn bản, bản thân anh B cũng đã biết việc chị G khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh B không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Ngô Thế V, sinh ngày 20 tháng 1 năm 2010 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 22 tháng 6 năm 2022 cháu V trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị G ly hôn anh Ngô Quốc B.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngô Thế V sinh ngày 20 tháng 01 năm 2010 và cháu Ngô Thế H sinh ngày 02 tháng 1 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18

tuổi. Anh Ngô Quốc B không phải cấp dưỡng đối với các con chung, anh Bằng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Bùi Thị G nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị G có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ngô Quốc B có nơi cư trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Ngô Quốc B, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G và anh Ngô Quốc B có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 07 năm 2009 tại UBND xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh B không tu trí làm ăn, nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh B không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh B không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện: Chị G và anh B có Đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2009 tại UBND thị trấn P. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn và sinh sống tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống giữa chị G và anh B đã xảy ra mâu thuẫn và nhiều lần đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến bà con lối xóm và an ninh trật tự tại địa phương. Việc anh chị đánh cãi chửi nhau chị G đã báo cáo Công an xã vào giải quyết mâu thuẫn, sự việc sau đó đã được chuyển về hòa giải tại cơ sở, đại diện thôn xóm cũng đã đến gặp gỡ khuyên giải cả anh B và chị G nhưng không có kết quả, chỉ một thời gian ngắn sau đó hai bên lại đánh cãi chửi nhau, không có biện pháp nào hàn gắn. Nay chị G xin ly hôn anh B Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Biên bản xác minh tại Công an xã Y thể hiện: Chị G và anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng

chung sống tại địa phương khoảng tháng 6 năm 2022 chị G và anh B có xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau, đồng thời chị G có làm đơn trình báo ra Công an xã giải quyết, xác định đây là mâu thuẫn trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình và là tranh chấp dân sự nên Công an xã đã giao cho tổ hòa giải tại cơ sở để hòa giải vợ chồng anh chị, nguyện vọng của chị G là không muốn xử lý anh B về vấn đề hình sự. Do vậy Công an xã đã không lập biên bản sự việc mà chỉ nhắc nhở các bên liên quan. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh B đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã nhiều lần đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương cũng như những người dân xung quanh và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị G và anh B có hai con chung cháu Ngô Thế V sinh ngày 20 tháng 01 năm 2010, cháu Ngô Thế H sinh ngày 02 tháng 1 năm 2019. Hiện các cháu đang ở cùng với chị G. Nay ly hôn chị G có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Về phía anh B không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Cháu H hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, đôi với cháu V qua tham khảo nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ, mặt khác thời gian vợ chồng sống ly thân cả hai cháu V và H đều ở với chị G và quyền lợi mọi mặt của các cũng đã được đảm bảo. Nay để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt cũng như môi trường học tập của hai cháu nên giao cả hai cháu V và H cho chị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị G không yêu cầu cấp dưỡng nên anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị G và anh Ngô Quốc B.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thế V sinh ngày 20 tháng 01 năm 2010 và cháu Ngô Thế H sinh ngày 02 tháng 1 năm 2019 cho chị Bùi Thị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Ngô Quốc B không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004867 ngày 09 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- UBND thị trấn P.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**